

AFRIMIN

Chlorhexidin digluconat 2 mg/ml

Để xa tầm tay trẻ em

Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng

Thành phần:

Mỗi ml chứa:

Thành phần hoạt chất:

Chlorhexidin digluconat (dưới dạng dung dịch chlorhexidin digluconat 20%)..... 2 mg

Thành phần tá dược:

Citric acid monohydrat, tri-natri citrat dihydrat, natri disulfie, saccharin natri, ethanol, propylen glycol, menthol crystal, idacol brilliant blue, hương tự nhiên, nước tinh khiết.

Dạng bào chế: Dung dịch súc miệng.

Mô tả: Dung dịch đồng nhất.

pH: 3,0 – 6,0

Chỉ định

- Hỗ trợ phòng ngừa hình thành mảng bám răng.
- Hỗ trợ điều trị và phòng ngừa viêm nướu.
- Vệ sinh răng miệng.
- Hỗ trợ chữa bệnh nướu sau phẫu thuật nha chu.
- Hỗ trợ điều trị loét miệng thường xuyên.
- Điều trị viêm răng miệng và nấm miệng.

Liều dùng và cách dùng

Người lớn, người già và trẻ em: Được sử dụng theo yêu cầu tối đa hai lần mỗi ngày. Súc miệng trong khoảng 1 phút với 10 ml Afrimin. Không nuốt nước súc miệng sau khi sử dụng.

Trước khi phẫu thuật nha khoa: Súc miệng bằng 10 ml Afrimin trong 1 phút. Không nuốt nước súc miệng sau khi sử dụng.

Điều trị viêm nướu: Khuyến cáo sử dụng trong một tháng.

Vệ sinh răng giả: Ngâm răng giả trong dung dịch 15 phút hai lần mỗi ngày.

Điều trị loét miệng và nấm miệng: Điều trị nên được tiếp tục trong 48 giờ sau khi đã giảm các triệu chứng lâm sàng.

Chống chỉ định

Mẫn cảm với bất kỳ thành phần nào có trong sản phẩm, đặc biệt là những người có tiền sử phản ứng dị ứng với chlorhexidin.

Cảnh báo và thận trọng

Chỉ sử dụng súc miệng, không được nuốt. Tránh xa mắt và tai. Nếu dung dịch tiếp xúc với mắt, rửa sạch bằng nước. Tránh xa tầm nhìn và tầm với của trẻ em. Không nuốt. Nếu tình trạng răng miệng không tiến triển, hãy ngừng sử dụng và tham khảo ý kiến bác sĩ hoặc nha sĩ của bạn.

Nước súc miệng Afrimin chứa chlorhexidin. Chlorhexidin có thể gây ra quá mẫn, bao gồm phản ứng dị ứng toàn thân và sốc phản vệ. Các tài liệu có sẵn cho thấy phản ứng quá mẫn chlorhexidin không phổ biến. Nước súc miệng Afrimin không nên dùng cho bất cứ ai có tiền sử dị ứng với hợp chất chứa chlorhexidin.

Phụ nữ mang thai và cho con bú

Không có báo cáo thuốc gây ra tác dụng có hại cho phụ nữ có thai hoặc trong quá trình cho con bú. Tuy nhiên, nước súc miệng chỉ nên được sử dụng theo lời khuyên của bác sĩ hoặc nha sĩ.

Ảnh hưởng đến khả năng lái xe và vận hành máy móc

Không có hoặc ảnh hưởng không đáng kể.

Tương tác, tương kỵ của thuốc

Chlorhexidin digluconat không tương thích với các hợp chất anion thường có trong kem đánh răng thông thường. Do đó, nên sử dụng những chất này trước và súc sạch miệng bằng nước trước khi súc miệng bằng Chlorhexidin.

Tác dụng không mong muốn

Các phản ứng có hại của Chlorhexidin được phân nhóm theo tần suất: rất thường gặp (ADR ≥ 1/10), thường gặp (1/100 ≤ ADR < 1/10), ít gặp (1/1000 ≤ ADR < 1/100), hiếm gặp (1/1000 ≤ ADR < 1/1000) và rất hiếm gặp (ADR < 1/10000)

Hệ cơ quan	Tần suất	Tác dụng không mong muốn
Tiêu hóa	Rất thường gặp	Đau răng
	Thường gặp	Khô miệng, dị cảm miệng, khó tiêu, viêm miệng loét, tăng sản nướu
	Không xác định	Kích ứng miệng, lưỡi trắng, sưng niêm mạc miệng, sưng tuyến mang tai, cảm giác nóng rát của lưỡi, loét miệng, viêm nướu, đau miệng, gãy/nứt răng, mất men răng, đổi màu răng, nướu và lưỡi
	Rất hiếm gặp	Viêm miệng, viêm lưỡi, loét, phù nề, viêm tuyến nước bọt

Hô hấp	Rất thường gặp	Nhiễm trùng đường hô hấp trên, viêm xoang
	Thường gặp	Viêm phế quản, viêm họng
	Không xác định	Co thắt phế quản, viêm mũi, ho, khó thở
Hệ thần kinh	Thường gặp	Giảm vị giác, cảm giác
	Không xác định	Loạn sản thoát qua, nhức đầu, mất ý thức
	Rất hiếm gặp	Dị cảm
Cơ xương khớp	Thường gặp	Viêm khớp, viêm gân
	Không xác định	Đau lưng, đau cơ, đau khớp
Da	Không xác định	Phát ban, ban đỏ/ban đỏ đa dạng, nổi mề đay, viêm da, ngứa, chàm, kích ứng da, mụn nước, mề đay lạnh, phản ứng da dị ứng hoặc dị ứng
Tim mạch	Không xác định	Ngừng tim, giảm tuần hoàn, hạ huyết áp, nhịp tim nhanh, tăng huyết áp
Quá mẫn	Không xác định	Sốc phản vệ, phản ứng phản vệ/phản ứng phản vệ gây tử vong
Mắt	Không xác định	Tổn thương giác mạc không hồi phục, kích thích kết mạc
Sinh dục	Không xác định	Đau bụng kinh, tiểu máu
Miễn dịch	Không xác định	Dị ứng
Khác	Không xác định	Bồng hóa học ở trẻ sơ sinh, chấn thương, áp xe, triệu chứng giống cúm, điếc, kích thích mô nhạy cảm

Thông báo ngay cho bác sĩ khi gặp phải các tác dụng không mong muốn của thuốc

Quá liều

Chlorhexidin hấp thu kém bởi đường uống; do đó tác động toàn thân chắc chắn không xảy ra ngay cả khi nuốt lượng lớn. Tuy nhiên, rửa dạ dày và các biện pháp hỗ trợ có thể được sử dụng khi cần thiết.

Đặc tính dược lực học

Mã ATC: A01AB03

Nhóm tác dụng dược lý: Các chế phẩm nha khoa, thuốc chống nhiễm trùng răng miệng tại chỗ.

Chlorhexidin digluconat là một chất bisbiguanid sát khuẩn và khử trùng, có khả năng diệt khuẩn hoặc kìm khuẩn chống lại một lượng lớn vi khuẩn gram âm và gram dương, nấm men, nấm Dermatophyte và virus ưa lipid. Hoạt động kháng khuẩn của thuốc bao gồm hầu hết các loài vi khuẩn quan trọng xảy ra trong hệ vi sinh đường miệng.

Đặc tính dược động học

Do tính chất cation của nó, chlorhexidin digluconat liên kết chặt chẽ với da, niêm mạc và các mô khác và do đó rất kém hấp thu. Không phát hiện trong máu sau khi sử dụng đường uống.

Quy cách đóng gói:

Lọ 100 ml, 200 ml, 250 ml, 500 ml. Hộp 1 lọ.

Bảo quản: Bảo quản trong bao bì kín, tránh ẩm, tránh ánh sáng, nhiệt độ dưới 30°C.

Hạn dùng: 36 tháng kể từ ngày sản xuất.

Tiêu chuẩn chất lượng: Tiêu chuẩn cơ sở.

Nhà sản xuất



Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội

Cụm công nghiệp Hà Bình Phương, xã Văn Bình, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội

T2-24-310725-T03865-D00001

**Kích thước: 120x 190 mm. In 2 mặt.
Sửa lại toa giống công bố**